



pǐn pái

品牌

Noun · brand name

Example Sentences

zhè ge pǐn pái chí míng zhōng wài
这个品牌驰名中外。

This brand is famous at home and abroad.

zhè ge pǐn pái de diàn qì fēi cháng nài yòng
这个品牌的电器非常耐用。

This brand of appliances is very durable.

zhè ge pǐn pái de chǎn pǐn zhì liàng hěn hǎo
这个品牌的产品质量很好。

This brand's products have good quality.

Trace each character, then write the word on your own.

品	品	品	品	品	品	品	品	品	品	品
品										

牌	牌	牌	牌	牌	牌	牌	牌	牌	牌	牌
牌	牌	牌	牌							